

BỘ Y TẾ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2016/TT-BYT

Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2016

THÔNG TƯ**Ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị,
giá thuốc và khả năng cung cấp***Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;**Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;**Căn cứ Nghị định số 63/2012/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;**Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý Dược;**Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư ban hành Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp.***Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp tại Phụ lục I****Điều 2. Nguyên tắc, tiêu chí xây dựng danh mục**

Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp được xây dựng căn cứ theo các tiêu chí, nguyên tắc tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Cục trưởng Cục Quản lý Dược đề xuất việc cập nhật, bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục thuốc cho phù hợp tình hình thực tế và bảo đảm đáp ứng kịp thời thuốc phục vụ cho công tác phòng bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế.

Điều 4. Điều khoản thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Y tế (Cục Quản lý Dược) để xem xét, giải quyết./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Viết Tiến**

PHỤ LỤC I**Danh mục thuốc sản xuất trong nước đáp ứng yêu cầu về điều trị, giá thuốc và khả năng cung cấp**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 10/2016/TT-BYT ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Tiêu chí kỹ thuật
I. Dung dịch điều chỉnh nước, điện giải, cân bằng acid-base và các dung dịch tiêm truyền khác					
1	Acid amin	5%/500ml	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
2	Glucose	5%/500ml	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
3	Glucose	10%/500ml	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
4	Glucose	5%/250ml	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
5	Natri chlorid	0,9%/250ml	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
6	Natri chlorid	0,9%/500ml	Tiêm/Truyền	Chai nút hai cổng	WHO-GMP
7	Natri chlorid	0,9%/1000ml	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
8	Natri chlorid	0,9%/500ml	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
9	Natri chlorid	0,9%/100ml	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
10	Nước cất	5ml	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
11	Ringer lactat	500ml	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
II. Hormon và các thuốc tác động vào hệ thống nội tiết					
12	Acarbose	50mg	Uống	Viên	WHO-GMP
13	Gliclazid	30mg	Uống	Viên	WHO-GMP
14	Gliclazid	80mg	Uống	Viên	WHO-GMP
15	Hydrocortison	100mg	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
16	Metformin	850mg	Uống	Viên	WHO-GMP
17	Methyl prednisolon	40mg	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
18	Methyl prednisolon	16mg	Uống	Viên	WHO-GMP
III. Khoáng chất và vitamin					
19	Calci carbonat + Calci gluconolactat	300mg + 2940mg	Uống	Viên	WHO-GMP
20	Calci glycerophosphat + Magnesi gluconat	456mg + 426mg	Uống	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Tiêu chí kỹ thuật
21	Calcitriol	0,25mcg	Uống	Viên	WHO-GMP
22	Mecobalamin	500mcg	Uống	Viên	WHO-GMP
23	Vitamin B1	250mg	Uống	Viên	WHO-GMP
IV. Thuốc chống co giật, chống động kinh					
24	Gabapentin	300mg	Uống	Viên	WHO-GMP
25	Levetiracetam	500mg	Uống	Viên	WHO-GMP
26	Pregabalin	75mg	Uống	Viên	WHO-GMP
V. Thuốc chống dị ứng và dùng trong các trường hợp quá mẫn					
27	Ebastin	10mg	Uống	Viên	WHO-GMP
VI. Thuốc chống rối loạn tâm thần					
28	Levomepromazin	25mg	Uống	Viên	WHO-GMP
29	Olanzapin	10mg	Uống	Viên	WHO-GMP
VII. Thuốc có tác dụng thúc đẻ, cầm máu sau đẻ và chống đẻ non					
30	Oxytocin	5IU	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
VIII. Thuốc điều trị ký sinh trùng, chống nhiễm khuẩn					
31	Amikacin	500mg/2ml	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
32	Amoxicilin	500mg	Uống	Viên	WHO-GMP
33	Amoxicilin	250mg	Uống	Gói	WHO-GMP
34	Amoxicilin + acid clavulanic	500mg + 125mg	Uống	Viên	WHO-GMP
35	Amoxicilin + acid clavulanic	1g + 0,2g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
36	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 62,5mg	Uống	Gói	WHO-GMP
37	Amoxicilin + acid clavulanic	875mg + 125mg	Uống	Viên	WHO-GMP
38	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 31,25mg	Uống	Gói	WHO-GMP
39	Cefaclor	500mg	Uống	Viên	WHO-GMP
40	Cefaclor	250mg	Uống	Viên	WHO-GMP
41	Cefaclor	125mg	Uống	Gói	WHO-GMP
42	Cefadroxil	500mg	Uống	Viên	WHO-GMP
43	Cefamandol	1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
44	Cefdinir	300mg	Uống	Viên	WHO-GMP
45	Cefepim	1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
46	Cefepim	2g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP

STT	Tên hoạt chất	Nồng độ, Hàm lượng	Đường dùng	Đơn vị tính	Tiêu chí kỹ thuật
47	Cefixim	200mg	Uống	Viên	WHO-GMP
48	Cefixim	100mg	Uống	Viên	WHO-GMP
49	Cefixim	100mg	Uống	Gói	WHO-GMP
50	Cefmetazol	1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
51	Cefoperazon + Sulbactam	0,5g + 0,5g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
52	Cefoperazon + Sulbactam	1g + 1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
53	Cefoperazon	1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
54	Cefotaxim	1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
55	Cefotiam	1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
56	Cefoxitin	1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
57	Cefpirom	1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
58	Cefpodoxim	200mg	Uống	Viên	WHO-GMP
59	Cefradin	500mg	Uống	Viên	WHO-GMP
60	Ceftazidim	1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
61	Ceftazidim	2g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
62	Ceftizoxim	1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
63	Ceftriaxon	1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
64	Cefuroxim	500mg	Uống	Viên	WHO-GMP
65	Cefuroxim	750mg	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
66	Cefuroxim	1,5g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
67	Cefuroxim	250mg	Uống	Viên	WHO-GMP
68	Cefuroxim	125mg	Uống	Gói	WHO-GMP
69	Cephalexin	500mg	Uống	Viên	WHO-GMP
70	Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên	WHO-GMP
71	Clarithromycin	500mg	Uống	Viên	WHO-GMP
72	Clarithromycin	250mg	Uống	Viên	WHO-GMP
73	Imipenem + Cilastatin	500mg + 500mg	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
74	Ivermectin	6mg	Uống	Viên	WHO-GMP
75	Ivermectin	3mg	Uống	Viên	WHO-GMP
76	Lamivudin	100mg	Uống	Viên	WHO-GMP
77	Meropenem	1g	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP
78	Meropenem	500mg	Tiêm/Truyền	Chai/Lọ/Ống	WHO-GMP